



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)
Ông Lê Văn Bảy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/7/2020)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/7/2020)
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/7/2020)
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người ký báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 là Ông Nguyễn Ngọc Nam – Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền 182/2020/UQ-HĐQT ngày 31/12/2020 của ông Lê Văn An - Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



  
Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Số: 195 /VACO/BCKi.T.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Tổng Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Xuân Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh  
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai  
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng  
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ  
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>107.746.088.163</b>	<b>112.127.781.796</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.402.593.425</b>	<b>5.005.800.540</b>
1. Tiền	111		3.402.593.425	5.005.800.540
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>420.000</b>	<b>1.500.420.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		420.000	420.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.626.391.570</b>	<b>101.300.020.273</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.680.562.906	100.855.459.867
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.694.468.215	10.083.807.323
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	280.219.024	2.089.611.658
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.028.858.575)	(11.728.858.575)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.990.553.415</b>	<b>4.197.509.790</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	4.990.553.415	4.197.509.790
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>726.129.753</b>	<b>124.031.193</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		659.133.727	-
2. Thuế và các khoản các phải thu Nhà nước	153	14	66.996.026	124.031.193
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.823.791.208</b>	<b>4.760.264.142</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.098.308.507</b>	<b>3.677.469.848</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.098.308.507	3.677.469.848
- Nguyên giá	222		55.689.793.875	47.475.236.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.591.485.368)	(43.797.766.432)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>511.377.545</b>	<b>511.377.545</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		511.377.545	511.377.545
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>760.000.000</b>	<b>457.580.960</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(42.419.040)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		760.000.000	300.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>454.105.156</b>	<b>113.835.789</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	454.105.156	113.835.789
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>120.569.879.371</b>	<b>116.888.045.938</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.257.262.696</b>	<b>42.252.455.035</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.882.299.067</b>	<b>42.004.273.234</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.696.063.599	18.438.737.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	27.404.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.251.701.525	2.112.317.285
4. Phải trả người lao động	314		2.439.251.900	2.000.276.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		20.250.000	24.750.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		201.702.534	141.818.172
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	985.988.088	998.639.963
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	19.859.122.907	15.969.177.640
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.378.218.514	2.291.152.080
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.374.963.629</b>	<b>248.181.801</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		106.363.629	248.181.801
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	4.268.600.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.312.616.675</b>	<b>74.635.590.903</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>81.312.616.675</b>	<b>74.635.590.903</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.121.616.860	14.171.748.426
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.190.999.815	30.463.842.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.152.920.406	21.745.358.439
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.038.079.409	8.718.484.038
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>120.569.879.371</b>	<b>116.888.045.938</b>



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

*Chữ ký*

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

*Chữ ký*

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	108.453.358.380	118.367.462.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		108.453.358.380	118.367.462.131
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	79.820.227.204	93.744.724.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.633.131.176	24.622.737.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	139.086.720	223.299.567
7. Chi phí tài chính	22	23	1.331.583.043	901.737.775
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.374.002.083	901.737.775
8. Chi phí bán hàng	25	24	404.952.260	448.030.920
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	12.205.062.043	11.568.121.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.830.620.550	11.928.146.685
11. Thu nhập khác	31		38.299.732	85.164.212
12. Chi phí khác	32		2.468.282	61.691.212
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		35.831.450	23.473.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.866.452.000	11.951.619.685
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.115.994.160	2.452.935.344
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.750.457.840	9.498.684.341
17. Lỗ/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.042	2.590



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Ngô Thị Lan Hương  
Kê toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	109.158.971.633	98.134.227.251
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(89.239.931.940)	(92.433.003.188)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.109.570.000)	(8.157.782.600)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.374.002.083)	(901.737.775)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.752.935.344)	(2.635.635.623)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.697.875.898	12.206.970.161
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.020.996.278)	(18.723.454.047)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.359.411.886</b>	<b>(12.510.415.821)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.025.652.753)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	26.363.640	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(460.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139.086.720	24.526.484
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.620.202.393)</b>	<b>(1.775.473.516)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	59.779.999.482	46.505.429.389
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(51.621.454.215)	(34.026.059.349)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.500.961.875)	(4.499.038.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.657.583.392</b>	<b>7.980.331.915</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.603.207.115)</b>	<b>(6.305.557.422)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.005.800.540</b>	<b>11.311.357.962</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.402.593.425</b>	<b>5.005.800.540</b>



**Nguyễn Ngọc Nam**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Ngô Thị Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Ngô Thị Lan Hương**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện là doanh nghiệp được thành lập theo giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103584 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội Cấp; đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2005, thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 51 người (tại ngày 31/12/2019 là 53 người).

**Hoạt động chính**

- ✓ Kinh doanh phụ tùng vật tư, vật liệu
- ✓ Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện Đắk Lắk	số 15 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
2	Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện - Xí nghiệp Cơ khí và dịch vụ	115A, Quốc Lộ 70, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội
3	Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện - Trung tâm dịch vụ cơ điện	Km 12, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện - Xí nghiệp Cao su Cơ điện	Thôn Xuân Sen, Xã Xuân Thủy, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
5	Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện tại Hải Phòng	Số 378 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

**Nợ phải trả tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và .

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền . Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-26
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị quản lý	10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	881.014.587	1.325.555.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.521.578.838	3.680.245.197
<b>Cộng</b>	<b><u>3.402.593.425</u></b>	<b><u>5.005.800.540</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là 50 cổ phiếu của Công ty CP Thủy điện Nậm Mu, mã chứng khoán HJS. Giá trị hợp lý tại 31/12/2020 là 1.900.000 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 1.150.000 VND)

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>b1) Ngắn hạn</b>			1.500.000.000	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng	-	-		
Đầu			1.500.000.000	1.500.000.000
<b>b2) Dài hạn</b>	760.000.000	760.000.000	300.000.000	300.000.000
- Trái phiếu (i)	760.000.000	760.000.000	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	760.000.000	760.000.000	300.000.000	300.000.000

Ghi chú:

- (i) Trái phiếu ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam bao gồm:
- 30 trái phiếu có kì hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 27/09/2019, mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu.
  - 4.600 trái phiếu có kì hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 30/07/2020, mệnh giá 10.000 VND/ trái phiếu.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	-	-	-	200.000.000	(42.419.040)	-
Công ty CP Công nghệ thực phẩm	-	-	-	200.000.000	(42.419.040)	-
Sen Việt (i)	-	-	-	200.000.000	(42.419.040)	-

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng số cổ phần này cho cá nhân khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco	20.966.221.932	22.017.026.705
Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha	18.904.933.820	18.904.933.820
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	17.301.172.874	16.965.903.042
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	13.172.500.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	10.770.036.449	21.101.157.714
Công ty CP Bất động sản MECO	9.939.397.789	8.752.452.755
Công ty CP Thép Việt Thanh	7.248.765.066	7.248.765.066
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng HTH	3.147.191.148	-
Đối tượng khác	6.230.343.828	5.865.220.765
<b>Cộng</b>	<b>107.680.562.906</b>	<b>100.855.459.867</b>
<i>Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>78.081.762.864</i>	<i>87.911.474.036</i>
Công ty CP Bất động sản MECO	9.939.397.789	8.752.452.755
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	10.770.036.449	21.101.157.714
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco	20.966.221.932	22.017.026.705
Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha	18.904.933.820	18.904.933.820
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	17.301.172.874	16.965.903.042
Công ty CP Cơ điện và Thực phẩm Sen Việt	200.000.000	170.000.000

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí cầu trục Thánh Khởi	-	2.080.025.400
Công ty TNHH Thủy lực Yển Linh	-	3.097.142.235
Công ty CPKTXD không gian Việt	304.800.000	304.800.000
Đối tượng khác	389.668.215	601.839.688
<b>Cộng</b>	<b>2.694.468.215</b>	<b>10.083.807.323</b>
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco	2.000.000.000	4.000.000.000

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	200.000.000	-	2.010.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	79.719.024	-	79.111.658	-
- Ông Đào Duy Hanh - Phòng KDXNK	19.484.264	-	19.484.264	-
- Các cửa hàng tự KD văn phòng Công ty	36.048.520	-	36.048.520	-
- Công ty CP cơ điện và thực phẩm Sen Việt	24.186.240	-	22.872.960	-
- Đối tượng khác	-	-	705.914	-
<b>Cộng</b>	<b>280.219.024</b>	<b>-</b>	<b>2.089.611.658</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,**MÃ SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Thép Việt Thanh	7.248.765.066	-	7.248.765.066	-
Công ty TNHH MTV Hà Anh Hưng	771.960.000	-	771.960.000	-
Công ty TNHH MTV Vật tư và TBNN Sóng Tiền	672.588.000	-	672.588.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Đức Ngươn	1.087.375.000	-	1.087.375.000	-
Công ty TNHH Quang Khoa Đông Anh	167.106.574	-	167.106.574	-
Công ty Cổ phần Gia phú	1.259.195.000	-	1.259.195.000	-
Phòng KD 2 - Ông Bùi Xuân Hiền	300.111.600	-	300.111.600	-
Công ty CP Y tế Cuộc sống mới	21.757.335	-	21.757.335	-
Công ty TNHH Chang Won Vina	605.732.930	305.732.930	-	-
Công ty CPXD và PHTT Hà Thành	200.000.000	-	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.334.591.505</b>	<b>305.732.930</b>	<b>11.728.858.575</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.990.553.415	-	4.197.509.790	-
<b>Cộng</b>	<b>4.990.553.415</b>	<b>-</b>	<b>4.197.509.790</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	40.855.417.887	1.567.239.069	4.986.511.143	66.068.181	47.475.236.280
Mua sắm mới	2.433.494.603	6.052.538.364	-	-	8.486.032.967
Giảm do thanh lý	(43.998.100)	(227.477.272)	-	-	(271.475.372)
<b>Số cuối năm</b>	<b>43.244.914.390</b>	<b>7.392.300.161</b>	<b>4.986.511.143</b>	<b>66.068.181</b>	<b>55.689.793.875</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	39.385.536.407	1.462.568.701	2.883.593.143	66.068.181	43.797.766.432
Khấu hao trong năm	577.432.523	79.969.785	407.792.000	-	1.065.194.308
Giảm do thanh lý	(43.998.100)	(227.477.272)	-	-	(271.475.372)
<b>Số cuối năm</b>	<b>39.918.970.830</b>	<b>1.315.061.214</b>	<b>3.291.385.143</b>	<b>66.068.181</b>	<b>44.591.485.368</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	1.469.881.480	104.670.368	2.102.918.000	-	3.677.469.848
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.325.943.560</b>	<b>6.077.238.947</b>	<b>1.695.126.000</b>	<b>-</b>	<b>11.098.308.507</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 39.963.066.661 VND (tại ngày 31/12/2019 là 36.531.047.976 VND).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.513.260.364 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dụng	43.990.543	56.340.562
Chi phí trả trước dài hạn khác	410.114.613	57.495.227
<b>Cộng</b>	<b>454.105.156</b>	<b>113.835.789</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép & Thương mại Hà Nội	2.899.547.197	2.899.547.197	2.978.926.677	2.978.926.677
Công ty TNHH Cơ khí Cầu trục Thánh Khởi	980.680.250	980.680.250	-	-
Công ty TNHH Thủy lực Yến Linh	774.285.559	774.285.559	-	-
Công ty TNHH Trường Hải	722.591.000	722.591.000	2.918.717.700	2.918.717.700
Doanh nghiệp tư nhân Huyền An	502.644.500	502.644.500	5.444.490.905	5.444.490.905
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Pride Việt	-	-	4.805.030.433	4.805.030.433
Đối tượng khác	816.315.093	816.315.093	2.291.572.079	2.291.572.079
<b>Cộng</b>	<b>6.696.063.599</b>	<b>6.696.063.599</b>	<b>18.438.737.794</b>	<b>18.438.737.794</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	612.132.400	2.828.852.601	2.652.929.404	788.055.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp	702.935.344	2.115.994.160	1.752.935.344	1.065.994.160
Thuế thu nhập cá nhân	4.295.441	439.865.926	390.309.599	53.851.768
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	792.954.100	5.504.777.081	5.953.931.181	343.800.000
Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.112.317.285</b>	<b>10.897.489.768</b>	<b>10.758.105.528</b>	<b>2.251.701.525</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	152.525	-	-	152.525
Thuế xuất nhập khẩu	17.771.857	-	-	17.771.857
Thuế thu nhập cá nhân	40.691.811	40.691.811	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	65.415.000	349.959.962	333.616.606	49.071.644
<b>Cộng</b>	<b>124.031.193</b>	<b>390.651.773</b>	<b>333.616.606</b>	<b>66.996.026</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	53.900.000	65.590.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	932.088.088	933.049.963
<b>Cộng</b>	<b>985.988.088</b>	<b>998.639.963</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>19.859.122.907</b>	<b>19.859.122.907</b>	<b>51.621.454.215</b>	<b>55.511.399.482</b>	<b>15.969.177.640</b>	<b>15.969.177.640</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	19.859.122.907	19.859.122.907	51.621.454.215	55.511.399.482	15.969.177.640	15.969.177.640
<i>Vay dài hạn</i>	<b>4.268.600.000</b>	<b>4.268.600.000</b>	-	<b>4.268.600.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	4.268.600.000	4.268.600.000	-	4.268.600.000	-	-

**Ghi chú:**

(i) Khoản vay tại ngày cuối năm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020-HĐCVHM/NHCT142-PTCĐ ngày 04/08/2020, thời hạn duy trì hạn mức đến 31/07/2021. Hạn mức vay 21.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 71/2018-GĐBĐ/NHCT142 ngày 05/09/2018, hợp đồng số 09/HĐTCTS ngày 09/12/2013, hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 02/06/2016.

(ii) Vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 462/2020/HĐCVTL/NHCT142-PTCĐ ngày 09/11/2020, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay: Đầu tư mua và lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị dây cáp điện và phụ kiện khác hình thành trong tương lai của hệ thống điện mặt trời áp mái và các quyền, lợi ích từ các hợp đồng bảo hiểm (nếu có) của tài sản này theo hợp đồng thế chấp số 461/2020/HĐBĐ/NHCT142-PTCĐ ngày 09/11/2020.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sau năm năm	4.268.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.268.600.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	13.232.189.572	28.164.221.147	71.396.410.719
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.498.684.341	9.498.684.341
Trích lập các quỹ	-	939.558.854	(1.879.117.708)	(939.558.854)
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2018	-	-	(39.745.000)	(39.745.000)
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát 2019	-	-	(648.000.000)	(648.000.000)
Tăng khác	-	-	66.206.716	66.206.716
Giảm khác	-	-	(198.407.019)	(198.407.019)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>14.171.748.426</b>	<b>30.463.842.477</b>	<b>74.635.590.903</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.750.457.840	12.750.457.840
Trích lập các quỹ (i)	-	949.868.434	(1.899.736.868)	(949.868.434)
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2019 (i)	-	-	(37.223.634)	(37.223.634)
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát 2020 (ii)	-	-	(637.500.000)	(637.500.000)
Tăng khác	-	-	51.160.000	51.160.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>15.121.616.860</b>	<b>36.190.999.815</b>	<b>81.312.616.675</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 73/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020. Trong đó:
- Trích lập quỹ khen thưởng: 474.934.217 VND
  - Trích lập quỹ phúc lợi: 474.934.217 VND
  - Trích quỹ đầu tư phát triển số tiền: 949.868.434 VND
  - Chia cổ tức tỷ lệ 15%: 4.500.000 VND
- (ii) Tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không kiêm nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 73/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Trong năm, Công ty đã chi trả 2.233.845.000 VND cổ tức cho Tổng Công ty Cơ điện xây dựng – CTCP và 2.267.116.875 VND cho các cổ đông khác.

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cơ điện xây dựng - CTCP	14.892.300.000	49,64%	14.892.300.000	49,64%
Các cổ đông khác	15.107.700.000	50,36%	15.107.700.000	50,36%
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

*d) Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ (USD)	7.259	7.271

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các hoạt động chính sau:

- Hoạt động bán hàng
- Hoạt động cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau:

Năm nay	Hoạt động	Hoạt động cung	Tổng
	bán hàng	cấp dịch vụ	
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	71.913.585.942	36.539.772.438	108.453.358.380
	<b>71.913.585.942</b>	<b>36.539.772.438</b>	<b>108.453.358.380</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>3.612.786.300</b>	<b>25.020.344.876</b>	<b>28.633.131.176</b>
Chi phí không phân bổ			(12.610.014.303)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>16.023.116.873</b>
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			139.086.720
Chi phí từ hoạt động tài chính			(1.331.583.043)
Lãi/(Lỗ) khác			35.831.450
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>14.866.452.000</b>
Thuế TNDN hiện hành			2.115.994.160
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>12.750.457.840</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau (Tiếp theo):

Năm trước	Hoạt động	Hoạt động cung	Tổng
	bán hàng	cấp dịch vụ	
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	86.097.020.293	32.270.441.838	118.367.462.131
	<b>86.097.020.293</b>	<b>32.270.441.838</b>	<b>118.367.462.131</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>4.158.242.113</b>	<b>20.464.495.427</b>	<b>24.622.737.540</b>
Chi phí không phân bổ			(12.016.152.647)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>12.606.584.893</b>
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			223.299.567
Chi phí từ hoạt động tài chính			(901.737.775)
Lãi/(Lỗ) khác			23.473.000
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>11.951.619.685</b>
Thuế TNDN hiện hành			2.452.935.344
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>9.498.684.341</b>

**b) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	71.913.585.942	86.097.020.293
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.539.772.438	32.270.441.838
<b>Cộng</b>	<b>108.453.358.380</b>	<b>118.367.462.131</b>
<b>Trong đó: Doanh thu các bên liên quan</b>	<b>40.307.742.194</b>	<b>70.493.861.700</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản MECO	4.760.380.015	418.198.763
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	7.471.257.416	12.304.332.037
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	16.142.912.042	24.936.974.047
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	10.615.674.694	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	1.213.881.665	32.725.265.944
Công ty Cổ phần Cơ điện và Thực phẩm Sen Việt	103.636.362	109.090.909

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	68.300.799.642	81.938.778.180
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.519.427.562	11.805.946.411
	<b>79.820.227.204</b>	<b>93.744.724.591</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.086.720	223.299.567
	<b>139.086.720</b>	<b>223.299.567</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.374.002.083	901.737.775
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(42.419.040)	-
	<b>1.331.583.043</b>	<b>901.737.775</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm</i>	<b>12.205.062.043</b>	<b>11.568.121.727</b>
Chi phí nhân công	8.553.260.355	8.264.206.778
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	69.543.302	80.577.429
Chi phí khấu hao	549.241.811	687.238.943
Chi phí thuế, phí lệ phí	190.142.280	170.761.620
Chi phí dự phòng	300.000.000	-
Chi phí mua ngoài	690.641.367	-
Chi phí khác bằng tiền	1.852.232.928	2.365.336.957
<i>Chi phí bán hàng trong năm</i>	<b>404.952.260</b>	<b>448.030.920</b>
Chi phí nhân công	388.250.260	448.030.920
Chi phí bằng tiền khác	16.702.000	-

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.941.510.615	8.712.237.698
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	69.543.302	100.905.429
Chi phí khấu hao	1.065.194.308	1.481.871.512
Chi phí dự phòng	300.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.177.126.951	5.373.612.754
Chi phí khác bằng tiền	7.576.066.689	8.153.471.665
	<b>24.129.441.865</b>	<b>23.822.099.058</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.866.452.000	11.951.619.685
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế (*)	247.792.000	313.057.035
<b>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>247.792.000</b>	<b>313.057.035</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước	-	-
Chi phí không được trừ	247.792.000	309.483.210
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá cuối kì năm trước	-	3.573.825
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.114.244.000</b>	<b>12.264.676.720</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.022.848.800</b>	<b>2.452.935.344</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (**)	906.854.640	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.115.994.160</b>	<b>2.452.935.344</b>

Ghi chú:

(\*) Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

(\*\*) Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.750.457.840	9.498.684.341
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(949.868.434)
Thù lao Hội đồng Quản trị không chuyên trách	(637.500.000)	(648.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận	(37.223.634)	-
Các khoản điều chỉnh khác	51.160.000	(132.200.303)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.126.894.206</b>	<b>7.768.615.604</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.042</b>	<b>2.590</b>

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, do đó chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các bên liên quan:*

<b>Các bên Liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
<b>Tổng Công ty Cơ điện xây dựng - CTCP</b>	<b>Cổ đông lớn</b>
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MCG)	Công ty do Tổng giám đốc giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Bất động sản MECO	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	Công ty liên kết của MCG
Công ty Cổ phần Cơ điện và Thực phẩm Sen Việt	Công ty nhận vốn góp (tỷ lệ vốn góp 8%)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	Ban lãnh đạo, Chủ sở hữu

*Trong năm, ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 20 Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

*Giao dịch bên bên quan phát sinh trong năm:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	10.636.916.659	-

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc	1.592.368.000	1.152.000.000
	<u>1.592.368.000</u>	<u>1.152.000.000</u>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2020, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	24.127.722.907	15.969.177.640
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.402.593.425	5.005.800.540
Nợ thuần	20.725.129.482	10.963.377.100
Vốn chủ sở hữu	81.312.616.675	74.635.590.903
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>25%</u>	<u>15%</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.402.593.425	5.005.800.540
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.731.923.355	89.206.212.950
Đầu tư tài chính	760.420.000	1.800.420.000
<b>Cộng</b>	<b>99.894.936.780</b>	<b>96.012.433.490</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	24.127.722.907	15.969.177.640
Phải trả người bán và phải trả khác	7.682.051.687	19.437.377.757
Chi phí phải trả	20.250.000	24.750.000
<b>Cộng</b>	<b>31.830.024.594</b>	<b>35.431.305.397</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.402.593.425	-	3.402.593.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.731.923.355	-	95.731.923.355
Đầu tư tài chính	420.000	760.000.000	760.420.000
<b>Cộng</b>	<b>99.134.936.780</b>	<b>760.000.000</b>	<b>99.894.936.780</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	-	-
Các khoản vay	19.859.122.907	4.268.600.000	24.127.722.907
Phải trả người bán và phải trả khác	7.668.051.687	14.000.000	7.682.051.687
Chi phí phải trả	20.250.000	-	20.250.000
<b>Cộng</b>	<b>27.547.424.594</b>	<b>4.282.600.000</b>	<b>31.830.024.594</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>71.587.512.186</b>	<b>(3.522.600.000)</b>	<b>68.064.912.186</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.005.800.540	-	5.005.800.540
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.206.212.950	-	89.206.212.950
Đầu tư tài chính	1.500.000.000	300.000.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.712.013.490</b>	<b>300.000.000</b>	<b>96.012.013.490</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	-	-
Các khoản vay	15.969.177.640	-	15.969.177.640
Phải trả người bán và phải trả khác	19.437.377.757	-	19.437.377.757
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
<b>Cộng</b>	<b>35.431.305.397</b>	<b>-</b>	<b>35.431.305.397</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>60.280.708.093</b>	<b>300.000.000</b>	<b>60.580.708.093</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: Ông Lê Xuân Thắng**  
**Công ty TNHH Kiểm toán VACO**  
**Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy**

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty Ông về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên báo cáo tài chính.
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính.
- (5) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (6) Chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam.
- (7) Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.
- (8) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính.
- (9) Dự phòng cho các khoản sau là không cần thiết (hoặc - các khoản dự phòng cần thiết đã được lập):
  - Chi phí phải gánh chịu do việc giảm giá hàng tồn kho thừa hoặc lỗi thời tới giá trị thực hiện ròng;
  - Chi phí phải gánh chịu do việc dự phòng những khoản nợ khó đòi.
- (10) Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thoả thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.
- (11) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông:





## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
  - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà Kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
  - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà Kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
  - Các biên bản họp, các nghị quyết của đại hội cổ đông, HĐQT và Ban Giám đốc.
- (12) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (13) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (14) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (15) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (16) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (17) Chúng tôi đã công bố cho Ông danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (18) Hiện tại, ngoài sự kiện như đã thuyết minh trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính.
- (19) Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả các bút toán điều chỉnh mà Quý vị đề nghị và xác nhận chúng tôi chấp nhận các bút toán điều chỉnh này, ngoại trừ các bút toán nêu tại Phụ lục của Thư này.
- (20) Công ty đang ghi nhận tài sản cho thuê (nhà kho, kiot...) là tài sản cố định thay vì theo dõi là bất động sản đầu tư với tổng giá trị nguyên giá tài sản tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 lần lượt là 44.650.158.906 VND và 39.690.053.546 VND. Ban Tổng Giám đốc đã được Kiểm toán cảnh báo vấn đề này. Tuy nhiên, việc cho thuê các tài sản này chỉ là tạm thời trong thời gian Công ty tạm thời không sử dụng những tài sản này. Do đó, Công ty không điều chỉnh những tài sản này sang bất động sản đầu tư. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc không phân loại này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020.
- (21) Trong năm, Công ty đã ghi nhận một số tài sản là hệ thống điện, nước, tường bao ... vào chi phí trả trước và thực hiện phân bổ trong vòng 2- 3 năm kể từ ngày hoàn thành đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 321.801.658 VND, số đã phân bổ trong năm là 50.870.950 VND. Ban Giám đốc đánh giá rằng, việc ghi nhận và phân loại các tài sản này là phù hợp với nhu cầu sử dụng và quản lý của Công ty và không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.
- (22) Tại ngày 31/12/2020, Công ty có một số khoản phải thu khách hàng khó đòi với giá trị cần trích lập khoản 2,7 tỷ đồng. Đây chủ yếu là Công nợ của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản MECO (Công ty con của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng). Ban Giám đốc đánh giá các khoản phải thu này có khả năng thu hồi trong tương lai nên không trích lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- (23) Chúng tôi đảm bảo các tài liệu cung cấp cho Ông liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Hóa 1 và Dự án Nhà máy thủy điện Khánh Khê đều được sao y từ bản chính.
- (24) Ban Giám đốc Công ty đã hiểu rằng việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ các loại sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Ban Giám đốc Công ty cũng được các Kiểm toán viên lưu ý vấn đề này.

Trân trọng.



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Ngô Thị Lan Hương".

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, ngõ Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### PHỤ LỤC: CÁC SAI SÓT PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN KHÔNG ĐIỀU CHỈNH

STT	Nội dung	Ảnh hưởng				
		Tài sản	Nợ phải trả	Nguồn vốn	Kết quả kinh doanh	
					Thu nhập	Chi phí
1	Phân loại Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn – dài hạn		(654.545.455) 654.545.455			
<b>Cộng</b>			<b>0</b>			

